

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN C**  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Số: 105/2017/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*C, ngày 14 tháng 02 năm 2017*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 02 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1281/2016/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2016.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Lê Khánh H, sinh năm: 1981; Nơi ĐKKHKT: Số 1A đường 673, tổ 4, ấp A, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và bà Phạm Thị Bé L, sinh năm: 1985; Nơi ĐKKHKT: Số 07 đường 650, ấp A, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày 14/02/2017, Giấy chứng nhận kết hôn số 151, quyển số 01/2009, ngày 04/12/2009 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lê Khánh H và bà Phạm Thị Bé L không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Khánh H, sinh năm: 1981.

Nơi ĐKKHKT: Số 1A đường 673, tổ 4, ấp A, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Bé L, sinh năm: 1985.

Nơi ĐKKHKT: Số 07 đường 650, ấp A, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Phạm Kim N, sinh ngày 04/9/2010. Bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Kim N và ông H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Bắt đầu thi hành từ tháng 02/2017 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H chậm trả số tiền cấp dưỡng trên, thì ông H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 100.000đ (Một trăm ngàn đồng) ông Lê Khánh H thỏa thuận chịu, án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 100.000đ (Một trăm ngàn đồng) ông Lê Khánh H chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) ông Lê Khánh H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0005632 ngày 06/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI  
THẨM PHÁN**